

Cách tiếp cận của thuyết đo lường tâm lý để giải thích sự hình thành quyết định sinh đẻ

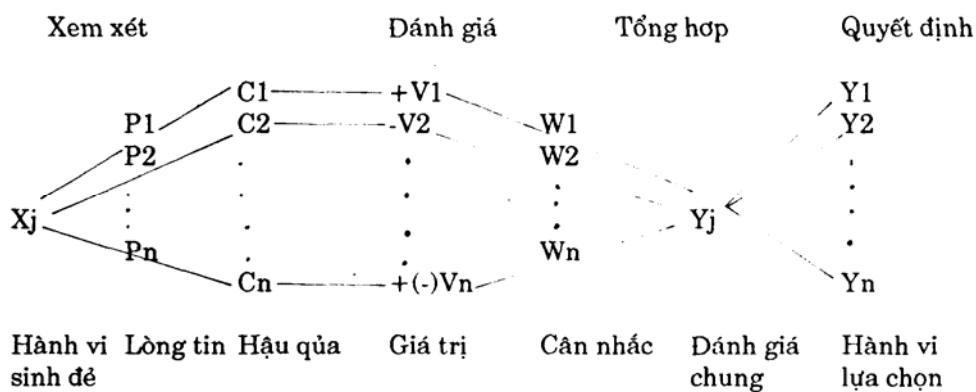
GARY H. và Mc CLELLAND

Quyết định sinh đẻ của một cặp vợ chồng là kết quả của quá trình nhận thức của họ dưới tác động của nhiều nhân tố khác nhau : nguyện vọng có con, khả năng kinh tế của gia đình, kế hoạch tương lai, dư luận xã hội... Đã có nhiều mô hình nghiên cứu đề xuất từ góc độ của mỗi ngành khoa học như xã hội học, tâm lý học, dân số học... để giải thích sự hình thành quyết định này. Chúng tôi xin giới thiệu một mô hình của Gary H. và Mc Clelland xuất phát từ cách tiếp cận tâm lý học.

Gary H. và Mc Clelland đưa ra một khung tổng quát để khái niệm hóa quá trình hình thành quyết định. Trước hết các tác giả dùng những thí dụ để minh họa cho lý thuyết của mình. Thí dụ về vấn đề hình thành quyết định sinh đẻ : một đôi vợ chồng có một con, họ phải quyết định hoặc là tiếp tục sử dụng biện pháp tránh thai đang dùng, hoặc có thêm một đứa con nữa. Nếu suy nghĩ nghiêm túc về quyết định của mình họ phải cân bằng những giá trị mâu thuẫn nhau, chẳng hạn, áp lực từ những người thân muốn họ có thêm đứa thứ hai đối lập với mong muốn nghề nghiệp của hai vợ chồng; mong muốn của ông bà có thêm đứa cháu nữa đối lập với ngân sách vốn đã căng thẳng của hai vợ chồng... Ngoài ra là những băn khoăn về các hậu quả không chắc chắn khi quyết định một hành vi sinh đẻ: lần sinh sau có thể là một con, hay sinh đôi sinh ba ? đứa con sau sinh ra liệu thể chất và trí tuệ có bình thường không ?.

Dùng biện pháp tránh thai này có gây ra hậu quả không mong muốn không ?.. . Đôi vợ chồng phải quyết định với kiến thức không đầy đủ về hậu quả hành động của họ. Mô hình của Gary H. - Mc Clelland miêu tả sự hình thành quyết định của một đôi vợ chồng hoặc cá nhân dưới sự không chắc chắn đó. Các tác giả đưa ra một sơ đồ như sau :

Hình 1 Mô hình chung của sự hình thành quyết định sinh đẻ



Mô hình này diễn tả quá trình hình thành một đánh giá chung (Y) của một hành vi (X) có liên quan tới sinh đẻ sao cho có thể lựa chọn được giữa (X) và những hành vi khác. Chỉ có một con, dùng vòng tránh thai, nạo thai, uống thuốc tránh thai... là những ví dụ về hành vi có liên quan tới sinh đẻ mà một cá nhân hoặc một cặp vợ chồng có thể đánh giá để hình thành một quyết định.

Sơ đồ này gồm 4 quá trình chính : *Xem xét, đánh giá, tổng hợp và quyết định.*

Ta xem xét một thí dụ : Cô A quyết định dùng vòng tránh thai hay không?

1 Giai đoạn xem xét: hành vi được kết hợp với một loạt hậu quả mà cá nhân tin tưởng rằng chúng là kết quả của hành vi đó. Niềm tin đó có thể đúng hoặc không đúng. Cô A có thể tin là khi dùng vòng tránh thai có những hậu quả xảy ra như sau: " tránh được có thai không mong muốn ", "ít tốn kém ", và " nhiễm trùng ống dẫn trứng ". Do niềm tin gắn với những hậu quả có khác nhau cô A có thể xem là hậu quả " ít tốn kém có lẽ sẽ xảy ra, còn hậu quả " nhiễm trùng ống dẫn trứng " hầu như không thể xảy ra. Theo hình 1 độ dao động của niềm tin được Gary H.-Mc Clelland trình bày theo giá trị P gắn với từng hậu quả - giá trị của P càng lớn thì niềm tin càng mạnh và hậu quả trở thành kết quả của hành vi.

2- Giai đoạn đánh giá : Những hậu quả được nhận thức ở giai đoạn trên được đánh giá như là tích cực (lợi ích kinh tế, phần thưởng tâm lý) hoặc tiêu cực (tốn kém, phạt) theo mức độ nhận thức và động cơ của từng cá nhân. Theo thí dụ trên, cô A có thể muốn theo đuổi nghề nghiệp nên cô đặt giá trị tích cực cao cho hậu quả " tránh được có thai không mong muốn ", cô có thể giàu nên không để ý đến khi phá (giá trị = 0) và cô sẽ đánh giá tiêu cực hậu quả " nhiễm trùng ống dẫn trứng "

3- ở giai đoạn tổng hợp một vài niềm tin và giá trị gắn với hành vi được kết hợp lại, để tạo thành một sự đánh giá chung. Cân nhắc tâm lý W cho thấy sự đóng góp của từng giá trị đối với một sự đánh giá chung.

Thí dụ : cô A có đánh giá chung tích cực cho việc dùng vòng tránh thai vì cô tin là hậu quả mong muốn " tránh thai " là có thể xảy ra và hậu quả không mong muốn " nhiễm trùng ống dẫn trứng " là không thể có.

4- ở giai đoạn cuối cùng cá nhân so sánh đánh giá chung của một số hành vi lựa chọn để quyết định một hành vi ứng xử có đánh giá chung cao nhất (hoặc ít ra là đạt yêu cầu). Thí dụ : cô A có lẽ đánh giá thấp việc sử dụng phương pháp tính vòng kinh để tránh thai và sẽ chọn biện pháp dùng vòng tránh thai.

Sơ đồ hình thành quyết định này của Gary H. -Mc Clelland dựa trên giả thuyết mỗi cá nhân đều cố gắng hình thành những bước tổng hợp và quyết định để lựa chọn một hành.vi có lợi nhất so với chi phí. Do ảnh hưởng của hoạt động nhận thức ở mỗi giai đoạn nên mô hình này cho phép hình thành cả những quyết định kém tối ưu và không hợp lý.

Đặc điểm chủ yếu của mô hình Gary H-Mc Clelland là nhấn mạnh tầm quan trọng của lòng tin cá nhân (hoặc đôi vợ chồng) vào những hậu quả sẽ xảy ra khi thực hiện một hành vi. Các tác giả cho rằng sự biến đổi lòng tin và thông tin còn quan trọng hơn nhiều sự thay đổi thái độ và giá trị khi thay đổi mục đích của hành vi sinh đẻ Tuy nhiên việc tiếp nhận các hậu quả khác nhau từ một hành vi lại phụ thuộc vào sự khác nhau của từng cá nhân. Theo mẫu điều tra của Mc Clelland và Hackenberg, 1/3 số sinh viên được hỏi tin rằng khả năng có con trai hay con gái cho lần sinh sau phụ thuộc vào giới tính của lần sinh trước, 1/3 số sinh viên tin rằng giới tính chiếm ưu thế trong gia đình sẽ không xảy ra vào lần sinh sau, và 1/3 số còn lại cho rằng giới tính chiếm ưu thế trong gia đình lại sẽ xuất hiện vào lần sinh sau. Thậm chí những người thấy cùng một hậu quả có thể xảy ra của một hành vi cũng có thể có những đánh giá rất khác nhau về hậu quả này. Do các cá nhân có sự khác biệt lớn nên những chi tiết quan trọng về quá trình hình thành quyết định hay bị mất do cách tập hợp hay lấy số liệu trung bình các cá nhân. Mặc dù các số liệu tập hợp trong vài trường hợp có thể có ích khi dự đoán những hiệu quả thu nạp được nhưng chúng sẽ không có lợi để tìm hiểu về quá trình hình thành quyết định của mỗi cá nhân.

Như vậy những phân tích sâu về cá nhân là rất quan trọng.

Một đặc điểm nữa của mô hình này là xem xét hành vi sinh đẻ như là kết quả của những quyết định dưới những điều không chắc chắn. Bất kỳ quyết định từ những sự không chắc chắn đều được xác định bằng lòng tin và giá trị. Cho nên không thể suy luận lòng tin hoặc giá trị từ sự quan sát một hành vi đơn lẻ bởi vì một loạt lòng tin và giá trị khác nhau có thể tạo ra cùng một hành vi.

Thí dụ: Khi xem xét một đôi vợ chồng có hai con trai không có con gái, họ muốn sử dụng biện pháp triệt sản.

Có hai khả năng về sở thích giới tính trong gia đình họ :

1. Đôi vợ chồng không có sở thích về giới tính và thỏa mãn với kích thước gia đình là hai con.
2. Đôi vợ chồng thích con trai và thỏa mãn với hai con, không quan tâm tới việc đẻ con gái.

Theo mô hình trên có hai cách giải thích hợp lý cho hành vi " quyết định triệt sản " của hai vợ chồng trên :

1 Họ muốn có con gái nhưng họ sợ hậu quả có thêm đứa con trai nữa nên họ quyết định không liều thử có thêm đứa nữa.

2. Họ rất muốn có con gái nhưng họ lại tin một cách sai lầm rằng họ là những người " sản xuất con trai " và không có hy vọng là sẽ đẻ con gái cho dù họ có thử sinh đến bao lần chăng nữa. Để giải quyết những khó khăn như vậy khi sử dụng mô hình này, tác giả đã áp dụng những phương pháp của lý thuyết đo lường tâm lý học. Lý thuyết này có ba đặc điểm quan trọng đối với nghiên cứu sinh đẻ :

1- Các quan sát nhỏ trong cùng một phạm vi quyết định được thu thập lại cho từng người trả lời như vậy các model hình thành quyết định có thể được kiểm tra một cách độc lập cho từng cá nhân.

2- Sử dụng số liệu sắp xếp theo thứ tự.

3- Sự kiểm tra lại mô hình trước khi đo.

Như vậy, đo lường là kết quả hơn là một tiền đề kiểm tra kinh nghiệm của mô hình. Các bước tiến hành để mô hình này có giá trị là:

a- Nhận thức một mô hình hợp lý để tổng hợp.

b- Rút ra những dự đoán có chất lượng từ mỗi mô hình.

c -Thu thập số liệu sắp xếp theo thứ tự cần thiết để kiểm tra những dự đoán có chất lượng d- Loại trừ những mô hình có dự đoán sai.

Trên đây là một hướng nghiên cứu quá trình hình thành quyết định sinh đẻ từ góc độ tâm lý học. Mô hình này có ý nghĩa : một là nó không hướng tới một hành vi sinh đẻ đặc biệt nào mà có thể áp dụng nghiên cứu nhiều hành vi : quyết định có thêm con, quyết định lựa chọn biện pháp tránh thai tối ưu, quyết định tìm việc làm của hai vợ chồng... ; hai là, mô hình này loại bỏ được nhiều chi tiết cần thiết nhưng không đặc thù của quá trình hình thành quyết định; thứ ba, cho phép hình thành được những model khác nhau tạo ra nhiều khả năng giải thích cho sự hình thành quyết định một hành vi sinh đẻ từ đó lựa chọn một model hợp lý nhất.

Những thông số của khung lý thuyết tổng quát này có thể được sử dụng để nghiên cứu bằng 2 cách : như là những biến số độc lập dự báo kết quả của quyết định sinh đẻ và như là biến số phụ thuộc trong nghiên cứu hiệu suất của những biến số có tác động gián tiếp hơn đến hành vi sinh đẻ. Việc sử dụng mô hình này và phương pháp luận kết hợp với nó trong nghiên cứu trên đã làm tăng sự hiểu biết về quá trình hình thành quyết định sinh đẻ và sẽ có ích để nghiên cứu hành vi sinh đẻ trong tương lai.

NGUYỄN VĂN ANH (lược thuật)

Nguồn : A Psychological and measurement

Theory Approach to Fertility

Decision - making

From : Demographic Behavior.

Edited by Thomas K. Burch.

AAAS. Selected Symposium.